

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học Chuyên ngành: Nhãn khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN TẮT THẮNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 25/12/1965; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Mỹ Thành – Huyện Mỹ Lộc – Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Hưng Bình, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại di động: 0913055375; E-mail: thangmatna@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 01 năm 1993 đến tháng 06 năm 1996: Bác sĩ Trạm Mắt Tỉnh Hà Tĩnh;

Từ tháng 06 năm 1996 đến tháng 09 năm 1999: Học viên cao học chuyên ngành Mắt, Đại học Y Hà Nội;

Từ tháng 09 năm 1999 đến tháng 01 năm 2003: Thạc sĩ công tác Trạm Mắt Tỉnh Hà Tĩnh;

Từ tháng 01 năm 2003 đến tháng 12 năm 2016: Phó Trưởng khoa, Khoa Mắt, Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An;

Từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018: Trưởng khoa Mắt, Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An;

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020: Phó Giám đốc, Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An;

Từ tháng 12 năm 2020 đến nay: Giám đốc, Bệnh viện Mắt Nghệ An;

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Mắt Nghệ An

Địa chỉ cơ quan: Phường Nghi Phú – Thành Phố. Vinh – Tỉnh Nghệ An

Điện thoại cơ quan: 0945992626

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- Trường Đại học Y khoa Vinh
- Trường Đại học Vinh
- Trường Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh
- Viện Sốt rét – Ký Sinh trùng, Côn trùng Trùng Ương
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Trường Đại học Y khoa Vinh
- Đại học Vinh
- Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh
- Viện Sốt rét – Ký Sinh trùng, Côn trùng Trùng Ương
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 11 năm 1990; số văn bằng: A69605; ngành: Bác sĩ Đa khoa Ngoại Sản, Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại Học Y Hà Nội. Việt Nam
- Được cấp bằng Thạc Sĩ ngày 30 tháng 12 năm 1999; số văn bằng: 14051; ngành: Y học; chuyên ngành: Nhân khoa; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại Học Y Hà Nội. Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến Sĩ ngày 09 tháng 05 năm 2018; số văn bằng: 10038; Y học; chuyên ngành: nhân khoa, Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại Học Y Hà Nội. Việt Nam.
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ...,

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Thái bình

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Từ cơ sở được đào tạo từ đại học và sau đại học, ứng viên có những hướng nghiên cứu sau

- **Hướng nghiên cứu 1:** Nghiên cứu các bệnh lý về mắt, các yếu tố dịch tễ, các phương pháp chẩn đoán, điều trị hiện nay và trong tương lai.

Theo hướng nghiên cứu này có 42 công trình của ứng viên và nhóm nghiên cứu đã được công bố trên nhiều tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước [1] [2] [4] [5] [6] [9] [13] [15] [16] [17] [18] [20] [22] [23] [25] [26] [27] [28] [29] [31] [32] [34] [35] [36] [37] [38] [39] [40] [42] [43] [44] [45] [46] [47] [48] [49] [50] [51] [52] [53] [54] [55] trong đó 04 công trình thuộc các tạp chí trong danh mục Web of Science (WoS)/Scopus mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ [4] [5] [6] [9].

- **Hướng nghiên cứu 2:** Nghiên cứu Kháng kháng sinh, các bệnh lý nhiễm trùng toàn thân và tại Mắt – bao gồm cả tác nhân cũ và các tác nhân mới nổi.

Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên và nhóm nghiên đã công bố 13 công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học [3] [7] [8] [10] [11] [12] [14] [19] [21] [24] [30] [33] [41]. Trong đó có 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science (WoS)/ Scopus mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ [7].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ 01 NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ;

- Đã hướng dẫn chính 02 HVCH và hướng dẫn phụ 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

- Đang hướng dẫn 2 NCS khóa học 2022-2026;

- Đã chủ trì hoàn thành 8 đề tài NVKH cấp cơ sở

- Đã công bố 55 bài báo khoa học (47 bài là tác giả chính sau TS), trong đó có 7 bài báo quốc tế (6 bài trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science (WoS)/ Scopus); Ứng viên là tác giả chính (tác giả đứng đầu) của 5 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science (WoS)/ Scopus sau TS [4] [5] [6] [7] [9].

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không;

- Số lượng sách đã xuất bản 3 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín (chủ biên 02 sách CK và biên soạn 01 GT).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Thầy Thuốc Ưu Tú do Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng năm 2017.

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam năm 2017 (Số 543/QĐ-TTg ngày 20/04/2017 của Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam).

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2015 (Số 271/QĐ-BYT ngày 26/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Nhiều bằng khen và danh hiệu thi đua cấp tỉnh.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

Là một Thầy thuốc và cũng là nhà giáo, tôi luôn nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm và sứ mệnh nghề nghiệp của mình đối với người học và xã hội. Trong quá trình công tác, tôi thường xuyên tự rèn luyện, đánh giá bản thân theo các tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn và nhiệm vụ được quy định đối với đội ngũ nhà giáo. Cụ thể như sau:

Về phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị: Tôi luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực, gương mẫu trong công việc và cuộc sống. Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Không vi phạm quy định về đạo đức nghề nghiệp nhà giáo, nghề thầy thuốc.

Về chuyên môn, nghiệp vụ: Tôi không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn, cập nhật đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc kế hoạch giảng dạy, đảm bảo thời lượng, nội dung chương trình theo quy định. Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu, hướng dẫn học viên, qua đó nâng cao hiệu quả giảng dạy và năng lực chuyên môn.

Về trách nhiệm với người học và đồng nghiệp: Luôn có thái độ chuẩn mực, công bằng, tôn trọng và hỗ trợ người học trong quá trình học tập và rèn luyện. Giữ mối quan hệ đoàn kết, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn, công tác đào tạo và các phong trào tập thể khác.

Về thực hiện các nhiệm vụ được giao: Tôi luôn nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, kiêm nhiệm quản lý theo sự phân công của đơn vị. Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, phong trào thi đua của nhà trường và ngành giáo dục. Có tinh thần trách nhiệm cao, chủ động và sáng tạo trong công việc.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 9 năm 11 tháng liên tiếp.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					75		75/171/135
2	2020-2021			2		91.5		91.5/146.5/135
3	2021-2022			1		124.5		124.5/164.5/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023		1	1		124.5		124.5/179.5/135
5	2023-2024		1	1		91.5		91.5/166.5/135
6	2024-2025					105	12	117/194/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ bậc 4/6; Ký hiệu. A017266

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Hoàng Xuân Cường	X			X	2022- 2024	Viện sốt rét Ký sinh trùng, Côn trùng Trung ương	04/09/2024 Số hiệu VB: 000040
2	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		X	X		2020- 2021	Đại học Vinh	29/11/2021 Số hiệu VB: ĐHV/B 00007231
3	Hoàng Thị Thành		X	X		2020- 2021	Đại học Vinh	15/10/2021 Số hiệu VB: ĐHV/B 00006087
4	Hoàng Thị Tâm		X		X	2021- 2022	Đại học Vinh	11/10/2022 Số hiệu VB: ĐHV/B 00007808
5	Dương Thanh Quang		X		X	2022- 2023	Đại học Y khoa Vinh	06/03/2024 Số hiệu VB: VMU 000005

6	Nguyễn Văn Thông		X		X	2023-2024	Đại học Y khoa Vinh	31/12/2024 Quyết định cấp bằng số 1880/QĐ-ĐHYKV của Đại học Y khoa Vinh
---	------------------	--	---	--	---	-----------	---------------------	--

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Bệnh Đục Thể thủy tinh và cải tiến Phẫu thuật Phaco	CK	NXB Đại học Vinh năm 2023	1	X		Đại học Y khoa Vinh (QĐ 990/QĐ-ĐHYKV ngày 21/06/2023 về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo)
2	Dịch tễ học Thực Địa	CK	NXB Y học năm 2022	9	X		Đại học Y khoa Vinh (QĐ 1046/QĐ-ĐHYKV ngày 30/12/2022 về việc sử dụng sách phục vụ giảng dạy đại học và sau đại học)
3	Dịch tễ học Bệnh truyền Nhiễm	GT	NXB Y học năm 2023	15			Viện sốt rét ký sinh trùng côn trùng Trung Ương (QĐ số 218/QĐ-VSR ngày 06/04/2023 về việc thành lập hội đồng biên soạn, thẩm định giáo trình)

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 02 sách [1][2].

Lưu ý:- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
ĐT1	Đánh giá hiệu quả của thuốc Azarga trong điều trị bệnh Glacom tại Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 1851/QĐ-BV ngày 13/11/2017 của Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An)	01/2017-08/2017	13/17/2017 XL: Giỏi
II	Sau khi được công nhận TS				
ĐT2	Đánh giá mối tương quan giữa thị trường và tổn thương võng mạc trên bệnh nhân võng mạc đái tháo đường	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 1678/QĐ-BV ngày 29/10/2019 của Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An)	01/2019-07/2019	29/10/2019 XL: Xuất sắc
ĐT3	Nghiên cứu điều trị một số trường hợp bong võng mạc nguyên phát bằng phương pháp đại củng mạc tại Bệnh viện Mắt Nghệ An	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 730/QĐ-BV ngày 28/10/2021 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)	01/2021-07/2021	28/10/2021 XL: Giỏi

ĐT4	Đánh giá hiệu quả phẫu thuật Phaco đặt thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 311/QĐ-BV ngày 28/10/2022 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)	01/2022-07/2022	28/10/2022 XL: Giỏi
ĐT5	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị viêm bờ mi do Demodex bằng Ocusoft	CN	(Quyết định 311/QĐ-BV ngày 28/10/2022 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)	01/2022-07/2022	28/10/2022 XL: Giỏi
ĐT6	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị quặm mi ở người cao tuổi tại Bệnh viện Mắt Nghệ An	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 293/QĐ-BV ngày 18/10/2023 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)	12/2022-07/2023	18/10/2023 XL: Khá
ĐT7	Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan về nhược thị do lệch khúc xạ ở trẻ em tại Bệnh viện Mắt Nghệ An năm 2023	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 293/QĐ-BV ngày 18/10/2023 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)	01/2023-07/2023	18/10/2023 XL: Giỏi
ĐT8	Kỹ thuật rạch da hình bậc thang sát bờ mi trong phẫu thuật tạo hình mi dưới; Mô tả kỹ thuật và đánh giá kết quả ban đầu.	CN	Cấp cơ sở (Quyết định 357/QĐ-BV ngày 24/10/2024 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)	01/2024-07/2024	24/10/2024 XL: Xuất Sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: Ứng viên đã công bố 55 bài báo (47 bài là tác giả chính sau TS), trong đó có 7 bài báo quốc tế (6 bài trên các tạp chí quốc tế uy tín, 5 bài là tác giả chính sau TS).

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả IOL đa tiêu cự AT.LISA trong phẫu thuật Phaco điều trị đục Thể Thủy Tinh	3	X	Tạp chí Y học thực hành, số (ISSN: 1859-1663)			Tập 6(1049) tr23-25	2017
2	Đánh giá hiệu quả của thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự AT.LISA trong phẫu thuật Phaco điều trị đục Thể Thủy Tinh.	3	X	Tạp chí Y học thực hành, (ISSN: 1859-1663)			Tập 6(1049) tr39-41	2017
II	Sau khi được công nhận TS							
	Bài báo quốc tế							
3	The efficacy and safety of three 30-day courses of albendazole in patients with neurocysticercosis http://dx.doi.org/10.15789/2220-7619-TEA-1910	5		Russian Journal of Infection and Immunity = Infektsiya iimmunitet 2022 (ISSN 2220-7619 (Print) ISSN 2313-7398 (Online)	Web of Science (ESCI) IF: 0.69, Scopus, Q4 (SJR: 0.180)		vol. 12, no. 6, pp. 1143–1148	2022

4	Dry Eye and Some Related Factors in Patients with Type 2 Diabetic Nephropathy: A Cross-Sectional Study in Vietnam Doi: 10.2147/OPTH.S458633 PMID: 38737597; PMCID: PMC11088030	10	X	Clinical Ophthalmology ISSN: 1177-5467; 1177-5483	Web of Science (ESCI) IF 2.1, Scopus, Pubmed, Q1(SJR: 0.911),		May 6;18:12 17-1224	2024
5	The pattern of eye disease in a provincial ophthalmic hospital of Viet Nam https://doi.org/10.18231/j.ijceo.2024.007	4	X	Indian Journal of Clinical and Experimental Ophthalmology (Print ISSN: 2395-1443 Online ISSN: 2395-1451)	Scopus, Q4 (SJR: 0.119)		10(1):4 5–49	2024
6	Dry eye rate and its relationship with disease stage in patients with primary hypertension: a cross-sectional study in Vietnam. Doi: 10.18240/ijo.2024.04.07 PMCID: PMC10988073	10	X	International journal of Ophthalmology (ISSN 2222-3959 print ISSN 2227-4898 online)	Web of Science (SCIE) IF: 1.9, Scopus, PubMed Q2 (SJR: 0.565).		17(4):6 53-658	2024
7	Species distribution and antimicrobial sensitivity pattern of etiologic agents in patients with neonatal sepsis, national children's hospital, hanoi, vietnam, 2019–2021 http://dx.doi.org/10.15789/2220-7619-SDA-2079	7	X	Russian Journal of Infection and Immunity = Infektsiya iimmunitet (ISSN 2220-7619 (Print)	Web of Science (ESCI) IF: 0.69, Scopus, Q4 (SJR: 0.180),		vol. 14, no. 1, pp. 133–140	2024

	https://iimmun.ru/iimm/article/view/2079			ISSN 2313-7398 (Online)				
8	Assessment of the effects of treatment of 2 albendazole and praziquantel programs in patients with pork tapeworm larval disease infection in the brain (2017 – 2020) https://wjpsonline.com/archive_show/0000000029	4		World Journal of Pharmaceutical Science and Research (ISSN: 2583-6579)			Volume 3, Issue 2, 2024 Page: 67-83	2024
9	Prevalence of myopia and its risk factors in elementary school students at coastal plain area of Nghe An province: a cross-sectional study in Viet Nam https://doi.org/10.18231/j.ijceo.2025.055	5	X	Indian Journal of Clinical and Experimental Ophthalmology (Print ISSN: 2395-1443 Online ISSN: 2395-1451)	Scopus, Q4 (SJR: 0.119)		Volume : 11, Issue 2, Page : 309-314	2025
	Bài báo trong nước							
10	Khảo sát tỷ lệ nhiễm, mức độ kháng kháng sinh của Escherichia Coli gây nhiễm khuẩn huyết được phân lập tại Bệnh Viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An (01/01/2019 - 31/12/2019) https://doi.org/10.59873/vjid.v2i30.165	10		Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam (ISSN: 0866-7829)			Tập 2(30), tr 84-88	2020
11	Khảo sát mức độ kháng kháng sinh của một số vi khuẩn gây nhiễm khuẩn huyết phân lập được tại	8	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 495, tháng 10 -Số	2020

	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ an (1/2019-12/2019).						ĐB, tr 401-406	
12	Khảo sát sự đề kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn gây nhiễm khuẩn đường tiết niệu phân lập được tại Bệnh viện hữu nghị đa khoa Nghệ An	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 495, tháng 10 -Số ĐB, tr 407-415,	2020
13	Đánh giá mối tương quan giữa thị trường và tổn thương võng mạc trên Bệnh võng mạc đái tháo đường	3		Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 495, tháng 10 -Số ĐB, tr 605-610.	2020
14	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm loét giác mạc tại khoa mắt bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ an năm 2020	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 495, tháng 10 -Số ĐB tr 610-616,	2020
15	Kết quả điều trị phẫu thuật của Glacom góc đóng nguyên phát DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v508i1.1548	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 508, tháng 11 - Số 1 tr 230-233.	2021
16	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến cận thị ở học sinh trung học cơ sở thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	3	X	Tạp chí Y học Cộng Đồng (ISSN 2354-0613).			Vol 63, no 6, 79-85	2022

	https://doi.org/10.52163/yhc.v63i6.456							
17	Thực trạng cận thị học đường và các yếu tố liên quan ở học sinh tiểu học tại quận 1 Tp. Hồ Chí Minh DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v515i2.2757	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 515, tháng 06 - Số 2, tr 60-63.	2022
18	Kết quả điều trị đục thể thủy tinh bằng phương pháp phẫu thuật phaco tại bệnh viện hữu nghị đa khoa Nghệ An năm 2021 DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v515i2.2786	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 515, tháng 06 - Số 2, tr 184-187.	2022
19	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân viêm bờ mi do Demodex DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v517i1.3131	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 517, tháng 8 - Số 1 tr 32-34.	2022
20	Một số yếu tố liên quan đến đặc điểm của nhược thị do tật khúc xạ ở trẻ 4-6 tuổi DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v517i1.3153	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 517, tháng 8 - Số 1, tr 120-123	2022
21	Tỷ lệ mắc viêm bờ mi do Demodex và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân tại bệnh viện Mắt Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v517i1.3198	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 517, tháng 8 - Số 1 tr 302-304	2022

22	Đặc điểm rối loạn lipid máu ở 2 nhóm bệnh nhân tăng huyết áp và không tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh (2022) DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v520i1A.3799	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 520, tháng 11 - Số 1A-tr 322-325	2022
23	Khảo sát chất lượng cuộc sống bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn cuối tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v521i1.3955	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 521, tháng 12 - Số 1 tr 101-105.	2022
24	Một số đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân viêm loét giác mạc do vi rút herpes tại Bệnh viện Mắt Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v521i1.3997	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 521, tháng 12 - Số 1. tr 273-277.	2022
25	Nghiên cứu hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống cận thị ở học sinh Trung học cơ sở tại thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. https://doi.org/10.52163/yhc.v64i2.619	3	X	Tạp chí Y học Cộng Đồng (ISSN 2354-0613).			Vol 64, No 2, 121-128.	2023
26	Các yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân suy thận mạn giai đoạn cuối tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An (2021)	3	X	Tạp chí Y học Cộng Đồng (ISSN 2354-0613).			Vol 64, Special (2023), tr 86-92,	2023

27	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan giữa rối loạn lipid máu với một số đặc điểm của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh - Nghệ An (2021)	3	X	Tạp chí Y học Cộng Đồng (ISSN 2354-0613).			Vol 64, Special(2023), tr 93-101	2023
28	Hiệu quả cải thiện thị lực sau đặt thể thủy tinh nhân tạo Panoptix DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4623	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 524, tháng 3 - Số 1A.tr 88-94	2023
29	Tồn dư khúc xạ sau phẫu thuật phaco đặt thể thủy tinh nhân tạo Panoptix DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4653	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 524, tháng 3 - Số 1A.tr 207-211	2023
30	Một số đặc điểm ở bệnh nhân viêm bờ mi được điều trị bằng Ocusoft tại bệnh viện Mắt Nghệ An DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4828	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 524, tháng 3 - Số 2, tr 72-76	2023
31	Ảnh hưởng của tình trạng lệch khúc xạ hai mắt với chức năng thị giác ở học sinh đến khám tại Bệnh viện Mắt Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4857	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 524, tháng 3 - Số 2, tr 202-205	2023
32	Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phẫu thuật đặt	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam			525, tháng 4 - Số 1A	2023

	thể thủy tinh nhân tạo Panoptix. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.5008			(ISSN: 1859-1868).			(2023), tr 338-342.	
33	Hiệu quả cải thiện khô mắt ở bệnh nhân sử dụng Ocusoft điều trị viêm bờ mi do Demodex DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5180	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			525, tháng 4 - Số 2 (2023), tr 106-109	2023
34	Khảo sát các chỉ số sinh lý cùng một số yếu tố liên quan ở 2 nhóm bệnh nhân tăng huyết áp nguyên phát và không tăng huyết áp đến điều trị ngoại trú tại Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Vinh (2022) DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5234	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			525, tháng 4 - Số 2 (2023), tr 235-239	2023
35	Đánh giá hiệu quả của phẫu thuật cắt bè củng giác mạc áp dụng kỹ thuật khâu chỉ rút trong điều trị bệnh glôcôm DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v527i2.5837	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			527, tháng 6 - Số 2 (2023), tr 20-24	2023
36	Đánh giá tình trạng lệch khúc xạ 2 mắt ở học sinh đến khám tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v527i2.5847	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			527, tháng 6 - Số 2 (2023), tr 61-65	2023
37	Đánh giá kết quả phẫu thuật phaco kết hợp cắt bè củng giác mạc trên củng một vị trí.	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam			527, tháng 6 - Số 2 (2023),	2023

	DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v527i2.5887			(ISSN: 1859-1868).			tr 217-222	
38	Một số yếu tố liên quan đến kết quả phẫu thuật phaco kết hợp cắt bề cùng giác mạc trên cùng một vị trí DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v528i1.6019	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			528, tháng 7 - Số 1 (2023), tr 254-258	2023
39	Hiệu quả của công thức SRK/T trong tính công suất thể thủy tinh nhân tạo trên bệnh nhân phẫu thuật phaco tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v528i2.6137	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			528, tháng 7 - Số 2 (2023), tr 304-307	2023
40	Mô hình bệnh mắt ở người cao tuổi trong cộng đồng tại tỉnh nghệ an https://tapchi.nimpe.vn/pcsr/article/view/219	2	X	Tạp chí phòng chống bệnh Sốt rét và các bệnh Ký sinh trùng. (ISSN: 2815-6161)			Số 5(137)/ 2023, Tr 48-52	2023
41	Thực trạng tiêm vắc xin covid-19 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi tại Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An năm 2022	4		Tạp chí Y học Cộng Đồng (ISSN 2354-0613).			Vol. 64, Special 12, 105-112	2023
42	Tỷ lệ cận thị và một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ cận thị ở học sinh tiểu học tại thành phố Vinh tỉnh Nghệ An DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v535i2.8541	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			535, tháng 2 - Số 2 tr 328-321.	2024

43	Đánh giá kết quả phẫu thuật đục thủy tinh thể Nhân nâu đen bằng phương pháp phaco tại Bệnh viện Mắt Nghệ An năm 2023 DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v536i1B.8748	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			536, tháng 3 - Số 1B tr 35-36	2024
44	Phân tích các giai đoạn của bệnh lý võng mạc đái tháo đường dựa trên hình chụp ảnh màu đáy mắt của người bệnh đái tháo đường trong cộng đồng tại Nghệ An DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v537i1.9058	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			537, tháng 4 - Số 1 tr 325- 328,	2024
45	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật rạch da hình bậc thang sát bờ mi trong phẫu thuật tạo hình mi dưới. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v540i2.10414	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			540(2). Tháng 7, số 2, tr 336- 340	2024
46	Đánh giá một số yếu tố liên quan đến tình trạng biến đổi nhãn áp ở bệnh nhân sau chấn thương đụng dập nhãn cầu điều trị tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v540i3.10501	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			540(3). Tháng 7 số 3, tr 246- 250.	2024
47	Đánh giá kết quả phẫu thuật rút ngắn cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An.	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			540(3). Tháng 7 số 3, tr 69-72	2024

	DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v540i3.10456							
48	So sánh hiệu quả của Diquafosol và Sodium Hyaluronate trong điều trị khô mắt tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v541i2.10792	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			541(2), số 2, tr 289-293	2024
49	Đánh giá kết quả phẫu thuật quặm mi tuổi già tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An. DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v542i2.11142	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			542(2), tr 366-369	2024
50	Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân thận nhân tạo chu kỳ do suy thận mạn giai đoạn cuối tại Thành Phố Vinh Tỉnh Nghệ An năm 2024 DOI: https://doi.org/10.62685/tbjmp.2024.3.08	3		Tạp Chí Y Dược Thái Bình, (ISSN. 2815-5548)			Tập 12 số 3 - tháng 9, tr44-48	2024
51	Mô hình tật khúc xạ ở trẻ em 6-10 tuổi đến khám mắt tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An năm 2024 DOI: https://doi.org/10.51298/vmj.v547i1.12864	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 547(1), tr 142-145.	2025
52	Các yếu tố nguy cơ tiến triển của bệnh Vông mạc đái tháo đường trên bệnh nhân bị Đái tháo đường type 1. https://tapchihcd.vn/index.php/yhcd/article/view/2157	3	X	Tạp chí Y học Cộng Đồng, (ISSN 2354-0613).			Vol. 66, Special Issue 3, 197-201	2025

53	Mối liên quan giữa thời gian sử dụng điện thoại thông minh và cận thị ở học sinh Trung Học Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú thành phố Vinh tỉnh Nghệ An năm 2023-2024 https://tapchihcd.vn/index.php/yhcd/article/view/2169	2	X	Tạp chí Y học Cộng Đồng, (ISSN 2354-0613).			Vol. 66, Special Issue 3, 215-219	2025
54	Hiệu quả của phương pháp sử dụng ống silicon tự cố định nối lệ quản bị đứt do chấn thương tại Bệnh Viện Mắt Nghệ An https://doi.org/10.51298/vmj.v547i2.12979	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 547(2), tr 163-167	2025
55	Đặc điểm cận thị và yếu tố liên quan đến cận thị ở học sinh trung học phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An https://doi.org/10.51298/vmj.v548i3.13656	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868).			Tập 548(3), tr 108-111	2025

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05 bài; số thứ tự [4];[5];[6];[7];[9].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An ,ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Trần Tất Thắng